

CÔNG TY TNHH MTV PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Ông Nguyễn Đình Hùng Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tiến	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyễn.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được nêu tại thuyết minh số 28.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2014 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Hùng

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014



Số: *270* /2014/UHY - BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/04/2014, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại ngày 31/03/2014 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Các vấn đề cần lưu ý

Trong 3 tháng đầu năm 2014, Công ty tạm ghi nhận chi phí lương là 29.995.763.923 đồng và thưởng an toàn hàng không là 3.466.165.688 đồng, trong đó Công ty tạm trích trước chi phí lương trên chi tiêu "Chi phí phải trả" tại 31/03/2014 là 14.625.415.993 đồng căn cứ theo quỹ lương kế hoạch năm 2014 mà chưa được phê duyệt chính thức bằng văn bản của Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - Chủ sở hữu Công ty. Theo đó, các số liệu này có thể sẽ phải điều chỉnh khi được có sự phê duyệt chính thức của Tổng Công ty.

Tại ngày 31/03/2014, Công ty tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 6.008.592.951 đồng và Quỹ khen thưởng phúc lợi là 7.498.940.980 đồng, Công ty căn cứ theo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2014 và chưa thực hiện xếp loại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 18 - Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Điều 38 - Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ". Bên cạnh đó, việc sử dụng và phê duyệt các Quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào Quyết định của Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam. Theo đó, các số liệu này cũng có thể sẽ phải điều chỉnh khi có sự phê duyệt chính thức của Tổng Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 và 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông với số tiền là 9.008.337.650 đồng, liên quan đến phải thu về dịch vụ phục vụ mặt đất, kéo đẩy và các dịch vụ phi hàng không khác và khoản phải thu Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam liên quan đến khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi) với số tiền 28,6 tỷ đồng đã quá hạn thanh toán và được đánh giá là khó thu hồi. Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản này được thực hiện tại Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán số:
1226-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán số:
1221-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.925.270.965	125.762.682.712
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	36.562.402.542	18.539.840.212
Tiền	111		26.562.402.542	18.539.840.212
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.941.989.362	96.898.116.463
Phải thu khách hàng	131	5	68.568.477.663	67.872.857.704
Trả trước cho người bán	132		98.248.095	-
Các khoản phải thu khác	135	6	29.275.263.604	29.025.258.759
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		9.145.971.066	10.324.726.037
Hàng tồn kho	141	7	9.145.971.066	10.324.726.037
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.274.907.995	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	972.579.178	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.295.358.817	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	20.006.970.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.578.618.210	3.116.018.645
Tài sản cố định	220		24.485.376.461	3.020.158.631
Tài sản cố định hữu hình	221	10	22.699.364.795	2.995.631.131
- Nguyên giá	222		151.203.631.630	130.414.961.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.504.266.835)	(127.419.330.499)
Tài sản cố định vô hình	227	12	16.351.666	24.527.500
- Nguyên giá	228		774.068.000	774.068.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(757.716.334)	(749.540.500)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.769.660.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		93.241.749	95.860.014
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	66.657.958	95.860.014
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.583.791	-
TỔNG TÀI SẢN	270		193.503.889.175	128.878.701.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		90.759.678.823	128.878.701.357
Nợ ngắn hạn	310		90.759.678.823	128.878.701.357
Phải trả người bán	312		37.477.303.827	-
Người mua trả tiền trước	313		3.230.710	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.795.184.866	-
Phải trả người lao động	315		5.291.452.148	25.228.485.394
Chi phí phải trả	316	15	19.730.294.636	-
Phải trả nội bộ	317		-	102.744.210.352
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	14.039.971.656	906.005.611
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	17	7.422.240.980	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.744.210.352	-
Vốn chủ sở hữu	410	18	102.744.210.352	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		102.744.210.352	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		193.503.889.175	128.878.701.357

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/03/2014	Tại 01/01/2014
Ngoại tệ các loại				
- USD			452.822,39	86.481,96
- SGD			244	244
Tài sản thuê ngoài	28.2		96.824.125.366	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thúy Diễm

Phùng Danh Nguyên

Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014
			đến 31/03/2014
			VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	114.473.037.203
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	19	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	114.473.037.203
Giá vốn hàng bán	11	20	82.568.144.470
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.904.892.733
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	565.805.117
Chi phí tài chính	22	22	334.521.761
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-
Chi phí bán hàng	24		-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	6.231.322.681
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.904.853.408
Thu nhập khác	31	24	121.935.965
Chi phí khác	32	25	95.195.565
Lợi nhuận khác	40		26.740.400
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.931.593.808
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.929.534.429
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	(26.583.791)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.028.643.170

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thúy Diễm

Phùng Danh Nguyên

Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01		25.931.593.808
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02		1.093.626.686
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		120.835.413
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(352.118.769)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.793.937.138
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(5.521.939.115)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		1.178.754.971
Tăng/giảm các khoản phải trả	11		38.743.458.721
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(943.377.122)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(20.076.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.174.134.593
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.151.822.716)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.937.351
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.128.885.365)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18.045.249.228
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	18.539.840.212
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.686.898)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	36.562.402.542

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Diễm

Kế toán trưởng



Phùng Danh Nguyễn

Giám đốc



Nguyễn Đình Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập Quyết định số 530/QĐ- HĐTV ngày 30/10/2013 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam, đăng ký lần 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 ngày 06/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN.

Trụ sở chính: Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 120.604.935.333 đồng. Chủ sở hữu là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết:

- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- Cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay;
- Kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)/.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động với hình thức là Công ty TNHH Một thành viên. Theo Công văn số 1717/BGTVT-QLDN ngày 20/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty là ngày 31/03/2014. Theo đó, Công ty lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp này.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản được coi là có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị (*)	03 - 10
Phương tiện vận tải (*)	05 - 08
Thiết bị Văn phòng (*)	04 - 06

(*) Căn cứ vào Biên bản bàn giao vốn, tài sản và nhân sự ngày 06 tháng 01 năm 2014 giữa Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Công ty có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trước đây của Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam. Theo đó, đối với các tài sản nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam thuộc các nhóm này có nguyên giá là 130.414.961.630 đồng được tiếp tục khấu hao nhanh gấp 2 lần kể từ ngày nhận bàn giao. Các tài sản tăng mới trong giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014, Công ty áp dụng mức khấu hao theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và không thực hiện việc khấu hao nhanh 2 lần như các tài sản nhận bàn giao từ Tổng Công ty.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, bao gồm bản quyền máy tính được khấu hao trong 3 năm và phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8. GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: Dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, thang ống, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và Dịch vụ phi hàng không (Phục vụ khách VIP, F, C; dịch vụ đào tạo; dịch vụ hàng lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

3.9. NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính. Đối với các tài sản, chi phí có phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày thanh toán.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Nghị định số 218 /2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Lãi phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm không được sử dụng để phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tại 31/03/2014, Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Tuy nhiên, đối với số dư công nợ phải thu có gốc ngoại tệ của các đối tượng không có khả năng thanh toán hoặc được đánh giá là khó có khả năng thu hồi, Công ty không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản này.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ - CP do Chính phủ ban hành ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 có hiệu lực thi hành tại ngày 01/01/2014 là 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Tại 31/03/2014</u>	<u>Tại 01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	109.447.372	69.619.680
Tiền gửi ngân hàng	26.452.955.170	18.470.220.532
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	-
Cộng	<u>36.562.402.542</u>	<u>18.539.840.212</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (*)

	<u>Tại 31/03/2014</u>	<u>Tại 01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu dịch vụ hàng không	66.664.472.346	66.654.548.041
Phải thu dịch vụ phi hàng không	1.904.005.317	1.218.309.663
Cộng	<u>68.568.477.663</u>	<u>67.872.857.704</u>

(*) Trong đó khoản phải thu với đối tượng Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông số tiền 9.008.337.650 đồng được đánh giá là khó thu hồi, đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	28.600.000.000	28.600.000.000
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	247.671.233	-
Thuế GTGT chờ kê khai	176.966.000	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội	108.559.101	376.234.769
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	137.067.270	44.023.990
Cộng	29.275.263.604	29.025.258.759

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi) khó thu hồi đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.932.203.136	10.000.303.107
Công cụ, dụng cụ	213.767.930	324.422.930
Cộng	9.145.971.066	10.324.726.037

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phí tần số vô tuyến điện	72.579.178	-
Tiền thuê nhà xưởng A41	900.000.000	-
Cộng	972.579.178	-

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tạm ứng	6.970.000	-
Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.000.000.000	-
Cộng	20.006.970.000	-

(*) Công ty cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số VB 0057805 ngày 27/01/2014 số tài khoản 115010000297802 kỳ hạn 3 tháng số tiền 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 14.2130001/HĐCC ngày 13/2/2014, và cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số VB 0057806 ngày 27/01/2014 số tài khoản 115010000297819 kỳ hạn 3 tháng số tiền 10.000.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 14.2130002/HĐCC ngày 18/3/2014 với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Mục đích là để Ngân hàng thực hiện tất cả các hợp đồng cấp tín dụng, cung cấp bảo lãnh, phát hành L/C... mà hai bên thỏa thuận trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hai hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2014	11.289.555.866	115.983.796.522	3.141.609.242	130.414.961.630
- Mua trong kỳ	627.670.000	20.256.700.000	-	20.884.370.000
- Thanh lý, nhượng bán	(95.700.000)	-	-	(95.700.000)
Tại 31/03/2014	11.821.525.866	136.240.496.522	3.141.609.242	151.203.631.630
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2014	10.198.535.772	114.258.957.923	2.961.836.804	127.419.330.499
- Khấu hao trong kỳ	203.816.210	856.525.742	25.108.900	1.085.450.852
- Thanh lý, nhượng bán	(514.516)	-	-	(514.516)
Tại 31/03/2014	10.401.837.466	115.115.483.665	2.986.945.704	128.504.266.835
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	1.091.020.094	1.724.838.599	179.772.438	2.995.631.131
Tại 31/03/2014	1.419.688.400	21.125.012.857	154.663.538	22.699.364.795

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/03/2014 là 122.523.679.635 đồng.

Số dư tại ngày 01/01/2014 là số liệu căn cứ theo Quyết định giao vốn và tài sản số 98/QĐ-HDTV ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam và Biên bản bàn giao vốn, tài sản và nhân sự ngày 06 tháng 01 năm 2014 giữa Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn. Theo đó, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam quyết định bàn giao vốn bằng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình là 130.414.961.630 đồng và giá trị hao mòn lũy kế là 127.419.330.499 đồng. Công ty có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trước đây của Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Mua sắm tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.769.660.000	-
Cộng	1.769.660.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2014	514.288.000	259.780.000	774.068.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
Tại 31/03/2014	<u>514.288.000</u>	<u>259.780.000</u>	<u>774.068.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2014	489.760.500	259.780.000	749.540.500
- Khấu hao trong kỳ	8.175.834	-	8.175.834
Tại 31/03/2014	<u>497.936.334</u>	<u>259.780.000</u>	<u>757.716.334</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	<u>24.527.500</u>	-	<u>24.527.500</u>
Tại 31/03/2014	<u>16.351.666</u>	-	<u>16.351.666</u>

Số dư tại ngày 01/01/2014 là số liệu căn cứ theo Quyết định giao vốn và tài sản số 98/QĐ-HĐTV ngày 11 tháng 3 năm 2014 và Biên bản bàn giao vốn, tài sản và nhân sự ngày 06 tháng 01 năm 2014 giữa Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chi phí tần số vô tuyến điện	36.691.667	52.416.667
Bản quyền phần mềm diệt virus	29.966.291	43.443.347
Cộng	<u>66.657.958</u>	<u>95.860.014</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.929.534.429	-
Thuế thu nhập cá nhân	865.650.437	-
Cộng	<u>6.795.184.866</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/03/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sử dụng SITA	288.749.319	-
Chi phí lương (*)	14.625.415.993	-
Thưởng an toàn hàng không (*)	3.466.165.688	-
Trang phục ngành (**)	975.000.000	-
Chi phí bồi dưỡng độc hại	329.963.636	-
Chi phí khác	45.000.000	-
Cộng	19.730.294.636	-

(*) Tại 31/03/2014, Công ty tạm trích chi phí lương, thưởng an toàn hàng không theo quỹ lương kế hoạch năm 2014 mà chưa có sự phê duyệt bằng văn bản của Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - Chủ sở hữu của Công ty.

(**) Công ty tạm trích chi phí trang phục ngành theo kế hoạch chi phí năm 2014.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/03/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	168.966.521	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	709.643.250	709.953.000
Phải trả tiền vé, hoa hồng bán vé đã thu hộ	107.545.965	99.062.005
Phải trả tiền ốm đau thai sản	211.907.626	96.990.606
Phải nộp lợi nhuận về Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	6.521.109.239	-
Phải nộp Quỹ đầu tư phát triển về Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	6.008.592.951	-
Thuế TNCN phải trả người lao động chuyển công tác	312.206.104	-
Cộng	14.039.971.656	906.005.611

17. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Tại 31/03/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	7.422.240.980	-
Cộng	7.422.240.980	-

(*) Tại 31/03/2014, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi căn cứ theo quỹ lương kế hoạch năm 2014 và chưa dựa trên kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Điều 38 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ". Bên cạnh đó, việc trích quỹ nêu trên chưa có sự phê duyệt bằng văn bản của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - Chủ sở hữu Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-	-
- Tăng vốn trong kỳ (*)	102.744.210.352	-	-	102.744.210.352
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	20.028.643.170	20.028.643.170
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	6.008.592.951	(6.008.592.951)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(7.498.940.980)	(7.498.940.980)
- Chuyển Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận về Tổng Công ty	-	(6.008.592.951)	(6.521.109.239)	(12.529.702.190)
Tại ngày 31/03/2014	102.744.210.352	-	-	102.744.210.352

(*) Căn cứ theo Quyết định giao vốn và tài sản số 98/QĐ-HĐTV ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam và Biên bản bàn giao vốn, tài sản và nhân sự ngày 06 tháng 01 năm 2014 giữa Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn. Theo đó, Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam bàn giao toàn bộ vốn từ Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam tại ngày 31/12/2013 cho Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là 102.744.210.352 đồng và 758 Cán bộ công nhân viên. Vốn chủ sở hữu bàn giao bao gồm toàn bộ tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn và công nợ phải trả đến cuối ngày 31/12/2013. Công ty có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trước đây của Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại thời điểm chuyển đổi và trong suốt quá trình hoạt động.

(**) Tại 31/03/2014, Công ty tạm trích các Quỹ và sẽ điều chỉnh lại số liệu khi có sự phê duyệt chính thức bằng văn bản của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.473.037.203
Trong đó:	
- Dịch vụ hàng không	112.348.334.403
+ Doanh thu cho thuê quầy thủ tục	1.985.515.228
+ Doanh thu cho thuê thang ống	120.934.050
+ Doanh thu kéo dây máy bay	7.636.513.040
+ Doanh thu phục vụ mặt đất - nhóm A	102.605.372.085
+ Doanh thu dịch vụ hàng không khác	-
- Dịch vụ phi hàng không	2.124.702.800
+ Doanh thu phục vụ khách VIP, F, C	529.379.090
+ Doanh thu dịch vụ đào tạo	25.000.000
+ Doanh thu dịch vụ hành lý, hàng hóa	190.108.392
+ Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác	1.380.215.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
- Chiết khấu thương mại	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.473.037.203

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Giá vốn dịch vụ	82.568.144.470
Cộng	82.568.144.470

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	318.145.986
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	247.659.131
Cộng	565.805.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	213.686.348
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	120.835.413
Cộng	334.521.761

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	116.803.827
Chi phí nhân công	2.030.563.901
Chi phí khấu hao TSCĐ	173.775.459
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ	12.100.726
Chi phí thuế phí, lệ phí	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.149.733.669
Chi phí khác bằng tiền khác	1.745.345.099
Cộng	6.231.322.681

24. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	95.185.483
Thu nhập khác	26.750.482
Cộng	121.935.965

25. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	95.185.484
Chi phí khác	10.081
Cộng	95.195.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.931.593.808
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.020.835.413
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	1.020.835.413
+ Chi phí thuê nhà xưởng không có hóa đơn	900.000.000
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và công nợ phải thu có gốc ngoại tệ	120.835.413
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế TNDN	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	26.952.429.221
Thuế suất thuế TNDN	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.929.534.429
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(26.583.791)
Ảnh hưởng từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(26.583.791)
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.902.950.638

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.562.402.542	18.539.840.212
Phải thu khách hàng	68.568.477.663	67.872.857.704
Các khoản phải thu khác	28.850.626.371	29.025.258.759
Cộng	133.981.506.576	115.437.956.675
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	37.477.303.827	-
Chi phí phải trả	19.730.294.636	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.341.302.945	906.005.611
Cộng	58.548.901.408	906.005.611

TÀI SẢN ĐẢM BẢO**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/03/2014.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)*****Rủi ro tỷ giá (tiếp)***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2014				
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	906.005.611	-	-	906.005.611
Cộng	906.005.611	-	-	906.005.611
Tại 31/03/2014				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	37.477.303.827	-	-	37.477.303.827
Chi phí phải trả	19.730.294.636	-	-	19.730.294.636
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.341.302.945	-	-	1.341.302.945
Cộng	58.548.901.408	-	-	58.548.901.408

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.539.840.212	-	-	18.539.840.212
Phải thu khách hàng	67.872.857.704	-	-	67.872.857.704
Các khoản phải thu khác	29.025.258.759	-	-	29.025.258.759
Cộng	115.437.956.675	-	-	115.437.956.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/03/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.562.402.542	-	-	36.562.402.542
Phải thu khách hàng	68.568.477.663	-	-	68.568.477.663
Các khoản phải thu khác	28.850.626.371	-	-	28.850.626.371
Cộng	133.981.506.576	-	-	133.981.506.576

28. CÁC THÔNG TIN KHÁC**28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam và các công ty con, công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam. Trong giai đoạn từ 01/01/2014 đến 31/03/2014, các nghiệp vụ và sổ dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Doanh thu với các bên liên quan	301.949.540
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	301.949.540
Mua hàng với các bên liên quan	33.535.905.479
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	10.162.500.000
- CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - Cảng HK Quốc Tế Tân Sơn Nhất	23.166.933.088
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	206.472.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Số dư với các bên liên quan*

	Tại 31/03/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng	186.935.045	70.241.600
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	186.935.045	70.241.600
Phải trả người bán	36.889.496.027	-
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	11.178.750.000	-
- CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - Cảng HK Quốc Tế Tân Sơn Nhất	25.483.626.397	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	227.119.630	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	12.841.908.294	-
- CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - Cảng HK Quốc Tế Tân Sơn Nhất	312.206.104	-
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	12.529.702.190	-

Thu nhập của các thành viên chủ chốt ()*

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Tổng thu nhập	1.194.231.173
- Lương và phụ cấp	674.339.959
- Tiền thưởng	519.891.214
- Các khoản phúc lợi khác	-

(*) Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: Chủ tịch, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

28.2 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Là tài sản thuê hoạt động theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 17-14/HĐ/ACV-SAGS ngày 01/01/2014 với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam. Thời hạn thuê 1 năm từ 01/01/2014 đến 31/12/2014, mục đích thuê trang thiết bị, phương tiện của Công ty nhằm phục vụ cho các chuyến bay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.3 THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ theo Công văn số 1717/BGTVT-QLDN ngày 20/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chấp thuận thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phục Vụ Mặt Đất Sài Gòn là ngày 31/03/2014.

Trên cơ sở Công văn nêu trên của Bộ Giao thông Vận tải, ngày 28/02/2014 Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phục Vụ Mặt Đất Sài Gòn ban hành Công văn số 155/MĐSGN về Báo cáo thực hiện công tác cổ phần hóa gửi Ban chỉ đạo cổ phần hóa. Theo đó, Ban chỉ đạo đã họp, rà soát và điều chỉnh tiến độ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt Đất Sài Gòn và xác định thời gian dự kiến hoàn tất công tác cổ phần hóa, đưa Công ty hoạt động chính thức với hình thức là Công ty Cổ phần vào tháng 10 năm 2014; đồng thời thống nhất với đơn vị tư vấn lên kế hoạch cụ thể và xác định những công việc cần thực hiện với thời gian hoàn tất công tác xác định giá trị doanh nghiệp dự kiến vào tháng 5 năm 2014.

28.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu tại ngày 01/01/2014 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu đã được kiểm toán. Do Công ty không lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 nên không có số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ này.

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Diễm

Phùng Danh Nguyên

Nguyễn Đình Hùng